

Bản án số: 34/2020/HSST

Ngày: 22/6/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Mai Hương.

Ông Nguyễn Văn Đầu.

Thư ký phiên toà: bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện VKSND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

NLNT, sinh năm: 1996, tại Bà Rịa – Vũng Tàu – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp NH, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Châu Ro

Tôn giáo: Phật giáo.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Học vấn: 6/12.

Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 20/01/2015 bị TAND huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: “ Cố ý gây thương tích ”. Thời hạn tù tính từ ngày: 10/5/2014. Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2015/HSST ngày 20/01/2015. Bị cáo chưa thi hành trách nhiệm dân sự.

Bắt ngày: 08/01/2020.

Họ tên cha: NVV, sinh năm: 1968.

Họ tên mẹ: LTKN, sinh năm: 1972.

Họ tên vợ: NPTT, sinh năm: 1989 và 02 con; lớn sinh năm: 2017, nhỏ sinh năm: 2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *QMN*, sinh năm: 1964 – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *NPTT*, sinh năm: 1985 – (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Đường PTC, phường ALA, quận BT, TP Hồ Chí Minh.

3. *NTP (M)*, sinh năm: 1999 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. *TTDL (LH)*, sinh năm: 1991 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu phố PA, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng:

ĐTP, sinh năm: 1980 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu phố PH, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h30 ngày 08/01/2020, tại khu phố PA, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công an phát hiện bắt quả tang T đang cầm trên tay 01 gói Nilon bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt, nghi là ma túy đá nên đã tiến hành bắt giữ, lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng trong một phong bì màu vàng, đánh số 01/PC04 ngày 08/01/2020, có hình dấu tròn của Công an thị trấn PB và các chữ ký ghi tên: ĐVS, HCD, CSB, ĐTP, DDB và NLNT. Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ của T một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số: 72G1-222.41, một điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, bên trong có sim số 0923.805.642 và 200.000Đ (Hai trăm ngàn).

Tại cơ quan CSĐT, T tự khai nhận và giao nộp thêm 01 gói Nilon bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt và khai là ma túy đá, T cất dấu tại nhà bà ngoại mục đích để sử dụng và bán cho con nghiện. Sau khi tiếp nhận, cơ quan Công an đã niêm phong trong một phong bì màu vàng, đánh số 02/PC04 ngày 08/01/2020, có hình dấu tròn của Công an xã XM và các chữ ký ghi tên: MVH, HCD, CSB, ĐDB và NLNT. Sau đó vụ việc được chuyển tới Cơ quan CSĐT Công an huyện XM điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại cơ quan Điều tra Công an huyện XM, T khai nhận nguồn gốc ma túy là do T mua của một người không rõ lai lịch tên D vào lúc khoảng 18h00, ngày 07/01/2020, với giá 1.500.000Đ (Một triệu năm trăm ngàn) đưa về nhà cất dấu để sử dụng và đã nhiều lần bán cho các con nghiện để thu lợi bất chính, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sau khi mua được ma túy, T bán cho một người tên Đ lấy 100.000Đ (Một trăm ngàn).

Lần thứ hai: Khoảng 19h00 ngày 07/01/2020, T bán cho Phong lấy 200.000Đ (Hai trăm ngàn).

Lần thứ ba: Khoảng 11h00 ngày 08/01/2020, L hỏi mua 400.000Đ (Bốn trăm ngàn) ma túy đá, T đồng ý và hẹn điểm giao dịch tại khu vực nhà nghỉ LS. Sau đó, T sử dụng xe mô tô biển số: 72G1-222.41 đưa ma túy đến điểm hẹn để bán cho L, nhưng chưa kịp thực hiện thì bị phát hiện bắt giữ.

Ngoài ra T còn khai nhận khoảng giữa tháng 12/2019, T đã bán cho L 01 gói ma túy đá với giá 400.000Đ (Bốn trăm ngàn).

Vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Kết luận giám định số 68/GĐMT-PC09 (Đ2) ngày 14/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì 02 phong bì được niêm phong đánh số 01/PC04 và số 02/PC04 ngày 08/01/2020 có đặc điểm nêu trên, do Công an huyện XM yêu cầu giám định bên trong đều có ma túy loại Methamphetamine. Trong đó phong bì đánh số 01/PC04 có khối lượng 0,8893 gam

và phong bì đánh số 02/PC04 có khối lượng 1,2439 gam. Ma túy còn lại sau giám định được Phòng kỹ thuật hình sự niêm phong trong 02 phong bì có ghi vụ số 68/1 và 68/2 ngày 14/01/2020.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số: 72G1-222.41 là tài sản của chị NPMT, chị T đi làm ở TP Hồ Chí Minh để xe ở nhà, T tự lấy xe đi làm phương tiện mua bán ma túy, chị T không biết nên yêu cầu được nhận lại. Điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, số IMEL: 352891101395610 bên trong có sim số 0923.805.642 là tài sản của T, T sử dụng để mua bán ma túy. 200.000Đ (Hai trăm ngàn) là tiền có được từ các lần T bán ma túy trước đó.

Tất cả vật chứng nêu trên được chuyển tới Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM.

Cáo trạng số: 32/CT-VKS-XM ngày 03/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM đã truy tố bị cáo NLNT về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy ” theo Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng tên Đ là người đã mua ma túy của T nhưng Cơ quan CSĐT Công an huyện XM chưa làm việc được nên tách riêng để điều tra, xác minh xử lý sau. NTP, TTD L đã mua ma túy của T, đã sử dụng hết nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

NPTT không biết T dùng xe mô tô của mình đi bán ma túy nên không xem xét xử lý hình sự. T cất giấu ma túy tại nhà của bà ngoại không ai biết, bà ngoại của T là NTD đã qua đời trước khi xảy ra vụ án (21/4/2012).

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã khai báo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Chị T xin nhận lại xe mô tô biển số: 72G1-222.41.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo NLNT phạm tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy ”, đề nghị áp dụng Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 251 Điều 38; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điểm r, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ ma túy còn lại sau giám định, sim điện thoại số: 0923.805.642; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, số IMEL: 352891101395610 và 200.000Đ (Hai trăm ngàn).

Trả lại cho chị NPTT xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số: 72G1-222.41.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Vào ngày 08/01/2020, T đồng ý bán cho L 400.000Đ (Bốn trăm ngàn) ma túy đá, nhưng đang trên đường đi tới địa điểm giao, nhận ma túy và tiền thì bị phát hiện bắt giữ. Ngoài ra T còn cất giữ ma túy đá tại nhà nhằm mục đích bán cho người khác.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Phù hợp với bản kết luận giám định số: 68/GĐMT-PC09 (Đ2) ngày 14/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 08/01/2020 T đã có hành vi bán 0,8893 gam ma túy loại Methamphetamine cho người khác và cất dấu 1,2439 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích bán cho người khác thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý, phân phối chất gây nghiện. Xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy là chất gây nghiện, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội, thậm chí là tội phạm nên nhà nước cấm mua bán, sử dụng, tàng trữ, lưu hành. Nhưng các bị cáo vẫn bán 0,8893 gam ma túy loại Methamphetamine cho người khác và cất dấu 1,2439 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích bán cho người khác. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy ” theo Điều 251 Bộ luật hình sự. Ngoài lần bị phát hiện, bắt giữ thì trước đó bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho 02 người là NTP, TTD L. Do đó, hành vi của bị cáo đã vi phạm vào Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ nhận thức về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản tính coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nhưng lười lao động nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không những đã xâm hại đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý, phân phối chất gây nghiện. Xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương mà còn tiếp tay cho tệ nạn ma túy mà cả xã hội đang đấu tranh phòng, chống. Bị cáo là người đã bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo tự giác khai ra những lần phạm tội trước đó nên cũng được xem là tự thú. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo bán ma túy nhằm mục đích lợi nhuận, nhưng xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, số IMEL: 352891101395610 là vật bị cáo dùng vào việc liên lạc để bán ma túy. Số tiền 200.000Đ (Hai trăm ngàn) là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Số ma túy còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành, sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

Số tiền 400.000Đ (Bốn trăm ngàn) bị cáo bán ma túy cho L vào tháng 12/2019 là thu nhập bất chính nên buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ nhà nước.

Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số: 72G1-222.41 là tài sản của chị T. Khi bị cáo dùng vào việc phạm tội chị T không biết, nên trả lại cho chị T.

Đối với đối tượng tên Đ là người mua ma túy của T ngày 07/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện XM xác minh xử lý sau nên HĐXX không xem xét, xử lý trong vụ án này. NTP, TTD L đã mua ma túy của T, đã sử dụng hết nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Bà QMN, chị NPTT không biết T dùng xe mô tô đi bán ma túy nên không xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **NLNT** phạm tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy ”.

[1] Áp dụng Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 251, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điểm r, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **NLNT: 08 (Tám) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2020.

[2] Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3] Về vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì có ghi vụ số 68/1 và 68/2 ngày 14/01/2020; 01 sim điện thoại số: 0923.805.642.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu Đ, số IMEL: 352891101395610 và 200.000Đ (Hai trăm ngàn).

Trả lại cho chị NPTT 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số: 72G1-222.41.

(Vật chứng đang được quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 29/BB ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM).

Buộc bị cáo T nộp lại 400.000Đ (Bốn trăm ngàn) để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Bị cáo NLNT phải nộp 200.000Đ (Hai trăm ngàn) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- Sở TP tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- CA huyện XM.
- PC 06.
- PV 10.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn